

Số: /QĐ-STN&MT

Hà Nam, ngày tháng năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

V/v phê duyệt kết quả thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường
của Dự án Xây dựng khu tái định cư đường ĐT495B
xã Tiêu Động, huyện Bình Lục

GIÁM ĐỐC SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Quyết định số 46/2022/QĐ-UBND ngày 28 tháng 9 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Hà Nam;

Căn cứ Quyết định số 405/QĐ-UBND ngày 30 tháng 3 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Nam về việc Ủy quyền cho Sở Tài nguyên và Môi trường tổ chức thẩm định, phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường, phương án cải tạo phục hồi môi trường, cấp giấy phép môi trường đối với các dự án đầu tư ngoài Khu công nghiệp thuộc thẩm quyền thẩm định, phê duyệt, cấp phép của Ủy ban nhân dân tỉnh;

Căn cứ biên bản họp hội đồng thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường dự án Xây dựng khu tái định cư đường ĐT495B xã Tiêu Động, huyện Bình Lục ngày 27 tháng 03 năm 2024;

Xét nội dung báo cáo đánh giá tác động môi trường dự án Xây dựng khu tái định cư đường ĐT495B xã Tiêu Động, huyện Bình Lục đã được chỉnh sửa, bổ sung gửi kèm văn bản số 29/CV-QLDA ngày 23 tháng 4 năm 2024 về việc giải trình các nội dung chỉnh sửa, bổ sung của Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Bình Lục;

Theo đề nghị của Chi cục trưởng Chi cục Bảo vệ Môi trường tại Văn bản số 47/CCMT-TĐ ngày 25 tháng 4 năm 2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án Xây dựng khu tái định cư đường ĐT495B xã Tiêu Động, huyện Bình Lục (*sau đây gọi là dự án*) của Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Bình Lục (*sau đây gọi là Chủ dự án*) với các nội dung, yêu cầu về bảo vệ môi trường ban hành kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Chủ dự án có trách nhiệm thực hiện quy định tại Điều 37 Luật Bảo vệ môi trường và Điều 27 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Bộ TN&MT (*để b/cáo*);
- UBND tỉnh (*để b/cáo*);
- UBND huyện Bình Lục;
- Trung tâm TT, DL và PTQĐ (*đăng Web*);
- UBND xã Tiêu Động;
- Chủ dự án;
- Lưu: VT, MT, HS.

GIÁM ĐỐC**Phạm Chí Thống**

CÁC NỘI DUNG, YÊU CẦU VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN:
Xây dựng khu tái định cư đường ĐT495B xã Tiêu Động, huyện Bình Lục
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-STN&MT ngày tháng năm 2024 của Sở
Tài nguyên và Môi trường Hà Nam)

1. Thông tin về dự án

1.1. Thông tin chung về dự án

- Tên dự án: Xây dựng khu tái định cư đường ĐT495B xã Tiêu Động, huyện Bình Lục.

- Địa điểm thực hiện dự án: xã Tiêu Động, huyện Bình Lục, tỉnh Hà Nam.

- Chủ đầu tư: Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Bình Lục.

- Địa chỉ liên hệ: Thị trấn Bình Mỹ, huyện Bình Lục, tỉnh Hà Nam.

1.2. Phạm vi, quy mô của dự án

* Phạm vi của dự án:

- Vị trí thực hiện dự án: xã Tiêu Động, huyện Bình Lục, tỉnh Hà Nam

- Tổng diện tích thực hiện dự án là 13.725,8 m² (trong đó, đất trồng lúa khoảng 10.932,7m², rãnh, mương, ao, hồ 87,499m², đất giao thông 2.705,604m²).

* Quy mô của dự án:

- Quy mô đầu tư xây dựng dự án: san nền, đường giao thông; hồ trồng cây xanh hè đường; hệ thống thoát nước mưa; hệ thống thoát nước thải, cấp nước sạch và cứu hỏa, hệ thống cấp điện.

- Quy mô sử dụng đất là 13.725,8 m² cụ thể như sau:

STT	Loại đất	Diện tích (m ²)	Tỷ lệ (%)
1	Đất ở tái định cư	5.606,1	40,8
2	Đất cây xanh	1.030,1	7,5
3	Đất hạ tầng kỹ thuật sau lô	1.071,6	7,8
4	Đất giao thông	6.018,0	43,8
	Tổng cộng	13.725,8	100,0

- Quy mô dân số khoảng 236 người với 59 lô đất ở liền kề

1.3. Các hạng mục công trình và hoạt động của dự án đầu tư

- Các hạng mục công trình chính:

+ San nền.

+ Hệ thống đường giao thông, hồ trồng cây xanh hè đường.

+ Hệ thống thoát nước mưa.

+ Hệ thống thu gom, thoát nước thải và hệ thống xử lý nước thải tạm thời công suất 30 m³/ngày.đêm.

+ Hệ thống cấp nước sạch và cứu hỏa.

+ Hệ thống cấp điện.

- Các hạng mục công trình phụ trợ: 01 lán trại công nhân; 01 kho chứa chất thải nguy hại; 01 khu vực tập kết vật liệu xây dựng; 01 cầu phun rửa xe và 01 bể xử lý nước thải rửa xe; 01 bãi đổ thải đất đào không thích hợp.

- Các hoạt động của dự án:

+ Giai đoạn thi công xây dựng: Hoạt động san nền, thi công xây dựng hệ thống hạ tầng kỹ thuật trong phạm vi thực hiện dự án (*hệ thống đường giao thông, thoát nước mưa, nước thải và hệ thống xử lý nước thải tạm thời, hệ thống cấp điện, cấp nước sạch và PCCC,...*)

+ Giai đoạn hoạt động: Hoạt động thi công xây dựng, cải tạo, sửa chữa của nhà dân; hoạt động sinh hoạt của dân cư trong khu tái định cư.

1.4. Các yếu tố nhạy cảm về môi trường

Dự án yêu cầu phải chuyển đổi mục đích sử dụng đất trồng lúa với diện tích khoảng 10.932,7 m².

2. Hạng mục công trình và hoạt động của dự án đầu tư có khả năng tác động xấu đến môi trường

2.1. Giai đoạn thi công xây dựng

* Hạng mục công trình: San nền, đường giao thông; hệ thống thoát nước mưa; hệ thống thoát nước thải và hệ thống xử lý nước thải tạm thời công suất 30 m³/ngày đêm; cấp nước sạch và cứu hỏa; hệ thống cấp điện.

* *Các hoạt động chủ yếu phát sinh chất thải gồm:*

- Hoạt động dọn dẹp mặt bằng, bóc tác đất hữu cơ, đào đất không thích hợp trước khi san nền.

- Hoạt động thi công các hạng mục công trình của dự án.

- Hoạt động của máy móc, thiết bị thi công xây dựng.

- Hoạt động vận chuyển đổ thải, vận chuyển nguyên vật liệu phục vụ quá trình thi công xây dựng.

- Hoạt động sinh hoạt của công nhân xây dựng.

* *Các tác động liên quan đến chất thải:*

- Bụi và khí thải (*SO₂, CO, NO₂, VOC...*) phát sinh từ quá trình san nền, hoạt động vận chuyển chất thải, nguyên vật liệu, hoạt động của máy móc thiết bị phục vụ thi công dự án.

- Nước thải gồm: Nước thải sinh hoạt của công nhân; nước thải rửa xe; nước mưa chảy tràn.

- Chất thải rắn thông thường: Rác thải từ phát quang thảm thực vật; rác thải sinh hoạt của công nhân; chất thải rắn xây dựng; đất hữu cơ bóc tách, bùn, đất đào không thích hợp bóc từ dự án.

- Chất thải nguy hại.

* *Các tác động không liên quan đến chất thải:* Tiếng ồn, độ rung.

2.2. Giai đoạn hoạt động

* *Các hoạt động chủ yếu phát sinh chất thải gồm:* Hoạt động của các phương tiện giao thông; hoạt động xây dựng, cải tạo, sửa chữa nhà dân; hoạt động sinh hoạt của cư dân trong khu vực dự án; hoạt động của hệ thống xử lý nước thải tạm thời.

* *Chất thải bao gồm:*

- Bụi và khí thải (SO_2 , CO , NO_2 , VOC ...) phát sinh từ hoạt động giao thông đi lại của người dân, từ hoạt động xây dựng, sửa chữa, cải tạo nhà ở của người dân, từ hệ thống điều hòa, khí thải và mùi từ hoạt động nấu nướng của dân cư.

- Nước thải sinh hoạt, nước mưa chảy tràn.

- Khí thải của các phương tiện tham gia giao thông.

- Chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại từ hoạt động sinh hoạt của khu dân cư.

* *Các tác động không liên quan đến chất thải:* Tiếng ồn, độ rung.

3. Dự báo các tác động môi trường chính, chất thải phát sinh theo các giai đoạn của dự án đầu tư

3.1. Nước thải, khí thải

3.1.1. Giai đoạn thi công, xây dựng

* *Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất nước thải*

- Nước thải sinh hoạt của công nhân khoảng $1,35 \text{ m}^3/\text{ngày}$ (*nước thải nhà vệ sinh $0,81 \text{ m}^3/\text{ngày}$, nước thải xám là $0,54 \text{ m}^3/\text{ngày}$*). Các thông số ô nhiễm đặc trưng: BOD_5 , COD , TSS , amoni, NO_3^- , PO_4^{3-} , dầu mỡ động thực vật, tổng Coliform.

- Nước thải rửa xe với lưu lượng khoảng $3,4 \text{ m}^3/\text{ngày}$. Thành phần: Chất rắn lơ lửng, tổng dầu mỡ khoáng...

- Nước mưa chảy tràn: Lưu lượng phát sinh khoảng $0,141 \text{ m}^3/\text{s}$. Thành phần chủ yếu chứa bùn đất, cát.

* *Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của bụi và khí thải*

- Bụi, khí thải từ hoạt động của các phương tiện vận tải, máy móc thi công do tiêu thụ nhiên liệu (dầu DO). Thành phần ô nhiễm chính: Bụi, SO_2 , CO , NO_x , VOC .

- Bụi, SO_2 , NO_x , CO từ quá trình thi công xây dựng: Hoạt động phát quang thực vật, san, gạt đất đá; quá trình vận chuyển nguyên vật liệu; hàn kết cấu kim loại, quá trình thi công mặt đường láng nhựa...

3.1.2. Giai đoạn hoạt động

* *Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất nước thải*

- Tổng khối lượng nước thải phát sinh từ hoạt động sinh hoạt của khu dân cư khoảng $28,3 \text{ m}^3/\text{ngày.đêm}$. Thành phần: TSS , BOD_5 , COD , NH_4^+ , NO_3^- , PO_4^{3-} , Dầu mỡ động thực vật, Coliform.

- Nước mưa chảy tràn: Lưu lượng phát sinh khoảng $0,248 \text{ m}^3/\text{s}$. Thành

phần chủ yếu chứa bùn đất, cát.

* *Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của bụi và khí thải*

- Bụi, khí thải từ hoạt động của các phương tiện giao thông. Thành phần: Bụi; SO₂; NO_x; CO.

- Khí thải, mùi phát sinh do quá trình chế biến thức ăn. Thành phần chủ yếu là khí CO₂, hơi nước, mùi thức ăn,...

- Hoạt động của điều hoà không khí: phát thải khí gây hiệu ứng nhà kính nhưng không đáng kể.

- Bụi từ hoạt động thi công xây dựng, cải tạo sửa chữa công trình của dân cư.

- Mùi, khí thải từ hệ thống xử lý nước thải tạm thời.

3.2. Chất thải rắn, chất thải nguy hại

3.2.1. Giai đoạn thi công xây dựng

- *Chất thải rắn thông thường:*

+ Chất thải rắn từ hoạt động phát quang thảm thực vật khu vực thực hiện dự án khoảng 1,6 tấn.

+ Khối lượng đất hữu cơ, đất không thích hợp được bóc từ bề mặt diện tích đất trồng lúa, đường giao thông hiện trạng trong khu vực dự án khoảng 2.180m³ (Trong đó, khối lượng tận dụng san nền lô cây xanh khoảng 1.545m³, khối lượng vận chuyển đổ thải khoảng 635m³).

+ Khối lượng chất thải rắn xây dựng phát sinh trong quá trình xây dựng, của dự án khoảng 46,8 tấn/quá trình thi công. Thành phần các chất thải rắn gồm vỏ bao xi măng, đầu mẩu gỗ cốp pha, đất đá, cát, sỏi rơi vãi, gạch vỡ,...

- *Chất thải rắn sinh hoạt:* Khối lượng phát sinh khoảng 15 kg/ngày. Thành phần: Các chất hữu cơ (thực phẩm thừa, vỏ rau, củ, quả...), chất vô cơ (giấy vụn các loại, nilon, nhựa, kim loại,...).

- *Chất thải nguy hại:* Khối lượng phát sinh khoảng 457,47 kg/quá trình. Thành phần: Giẻ lau dính dầu mỡ, sơn; dầu mỡ thải; thùng chứa dầu thải, nhựa đường, sơn; đầu mẩu que hàn thải; xơ bông thấm dầu...

3.2.2. Giai đoạn vận hành dự án

- *Chất thải rắn sinh hoạt:* Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh từ khu dân cư khoảng 188,8 kg/ngày, khối lượng chất thải phát sinh từ khu vực công cộng (Cây xanh, đường giao thông) khoảng 16,3 kg/ngày, bao gồm: thức ăn thừa, giấy các loại; nilon; vỏ chai lọ; thân, rễ, lá cây...

- *Chất thải rắn phát sinh từ quá trình thi công xây dựng, cải tạo sửa chữa nhà ở của người dân:* Khối lượng rác thải phát sinh khoảng 20 kg/ngày/hộ dân.

- *Chất thải nguy hại:* Khối lượng phát sinh từ khu dân cư khoảng 215 kg/năm. Thành phần: sơn, mực, chất kết dính và nhựa thải có các thành phần nguy hại; giẻ lau dính dầu; các loại dầu mỡ thải; thiết bị, linh kiện điện tử; đầu mẩu que hàn thải; chất tẩy rửa thải, pin, ắc quy thải.

3.3. Tiếng ồn, độ rung

3.3.1. *Giai đoạn thi công xây dựng:* Tiếng ồn, độ rung do các xe vận chuyển nguyên vật liệu, đất không thích hợp các máy móc và phương tiện thi công xây dựng trên công trường.

3.3.2. *Giai đoạn vận hành dự án:* Tiếng ồn phát sinh từ hoạt động của các phương tiện giao thông, thiết bị điều hòa không khí, máy bơm nước,...

3.4. Các tác động khác

- Các rủi ro sự cố trong giai đoạn thi công và hoạt động của dự án như: Sự cố tai nạn lao động, tai nạn giao thông, sự cố cháy nổ, hệ thống xử lý nước thải bị hỏng không hoạt động...

- Tác động đến hệ thống tiêu, thoát nước khu vực.

- Tác động đến môi trường kinh tế - xã hội khu vực.

- Tác động đến hoạt động giao thông, kinh tế xã hội và y tế - giáo dục của địa phương.

4. Các công trình và biện pháp bảo vệ môi trường của dự án

4.1. Các công trình và biện pháp thu gom, xử lý nước thải, khí thải

4.1.1. Trong giai đoạn thi công, xây dựng

* Biện pháp thu gom và xử lý nước thải

- Nước thải sinh hoạt của công nhân xây dựng: Bố trí 01 nhà vệ sinh di động dạng nhà container 2 phòng, 01 bồn chứa chất thải với tổng dung tích là $4m^3$ để lưu chứa nước thải sinh hoạt phát sinh. Định kỳ thuê đơn vị đủ chức năng hút và đem đi xử lý với tần suất 02 ngày/lần hoặc khi đầy.

- Nước thải rửa xe: Xây dựng 01 bể xử lý nước thải rửa xe chia làm 04 ngăn có kích thước rộng x dài x cao = $2,89 \times 0,72 \times 2$ (m) để lắng đất, cát và xử lý váng dầu trước khi về bể chứa nước sau xử lý. Quy trình xử lý: Nước thải rửa xe, rửa máy móc, thiết bị → Ngăn thu gom → Ngăn tách dầu → Ngăn lắng → Ngăn chứa tái sử dụng. Nước sau xử lý tận dụng rửa xe không xả thải trực tiếp ra môi trường xung quanh khu vực thực hiện dự án.

- Nước mưa chảy tràn: Các tuyến thoát nước đảm bảo tiêu thoát nước, không gây úng ngập trong suốt quá trình xây dựng và không gây ảnh hưởng đến khả năng thoát thải của các khu vực bên ngoài dự án; Bố trí công nhân làm nhiệm vụ thu gom chất thải rắn trên mặt bằng dự án sau mỗi ngày làm việc để tránh ảnh hưởng khả năng tiêu thoát nước của khu vực dự án và vùng xung quanh.

* Biện pháp giảm thiểu tác động của bụi, khí thải

- Bố trí 01 trạm rửa xe ở khu vực cổng vào của dự án (*phía Tây Nam dự án*) để rửa xe trước khi ra khỏi công trường thi công.

- Bố trí công nhân quét dọn vật liệu, đất đá rơi vãi, phun nước giảm thiểu bụi với tần suất 4 lần/ngày từ tuyến đường QL.37B vào khu vực dự án.

- Bố trí che chắn hoặc phủ kín khu vực nguyên liệu bằng bạt khu vực bãi tập kết vật liệu xây dựng có khả năng phát tán bụi.

- Bố trí tường chắn bằng bạt che, rào chắn, tôn cao khoảng 2,5m tại các khu vực tiếp giáp khu dân cư phía Tây dự án nhằm giảm thiểu ảnh hưởng của hoạt động thi công đến môi trường xung quanh.

- Ô tô chuyên chở nguyên vật liệu vận chuyển đồ thải là các loại xe được đăng kiểm theo quy định, có bạt che phủ, không chở quá tải, không làm rơi vãi đất đá, nguyên vật liệu chạy đúng tốc độ quy định.

- Không sử dụng máy móc thiết bị quá cũ trong thi công.

- Không hoạt động vào các giờ cao điểm về mật độ giao thông.

4.1.2. Trong giai đoạn hoạt động

*** Biện pháp thu gom và xử lý nước thải**

- Hệ thống thoát nước thải xây dựng riêng biệt với hệ thống thoát nước mưa.

- Biện pháp thu gom và xử lý nước thải sinh hoạt:

+ Biện pháp thu gom, xử lý nước thải theo quy hoạch: Theo quy hoạch xây dựng vùng huyện Bình Lục đến năm 2035, tầm nhìn đến năm 2050, nước thải trên địa bàn xã Tiêu Động được thu gom và đưa về xử lý tại trạm xử lý nước thải chung. Theo quy hoạch chung, nước thải từ khu tái định cư theo hướng thoát từ Đông sang Tây, Nam lên Bắc đầu nối vào hệ thống thu gom nước thải của khu tái định cư xã La Sơn, sau đó thoát vào hệ thống thu gom nước thải trên đường QL.37B.

+ Biện pháp xử lý nước thải tạm thời: Khi hệ thống thu gom, trạm xử lý nước thải chung theo quy hoạch chung vùng huyện Bình Lục chưa xây dựng, hoạt động, Chủ dự án đề xuất lắp đặt 01 hệ thống xử lý nước thải tạm thời bằng composite xử lý nước thải sinh hoạt theo công nghệ AO công suất 30m³/ngày đêm đặt tại khu cây xanh phía Tây Bắc dự án. Quy trình xử lý nước thải như sau: Nước thải sinh hoạt từ các hộ dân sau khi qua bể tự hoại → hệ thống đường ống thu gom → hố ga → Hệ thống xử lý nước thải hợp khối (*Bao gồm 6 ngăn: Ngăn điều hòa, ngăn thiếu khí, ngăn hiếu khí, ngăn lắng, ngăn khử trùng và ngăn chứa bùn*) → Hệ thống thoát nước thải HDPE D300 dài 39m, sau đó đầu nối vào hệ thống thoát nước phía Nam dự án (*cống D1500 hiện trạng trên đường ĐT.495B qua nương tiêu rồi thoát ra kênh BH-23 phía Nam*). Nước thải sau xử lý đạt cột A theo QCVN 14:2008/BTNMT với K=1, tọa độ điểm xả thải X=2262341, Y=604782 (*theo biên bản làm việc ngày 06/01/2024 về việc thỏa thuận điểm đầu nối thoát nước thải giữa Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Bình Lục, UBND xã Tiêu Động, Hợp tác xã Dịch vụ nông nghiệp Thượng Xuân*).

* *Biện pháp giảm thiểu tác động của nước mưa chảy tràn*

- Hệ thống thoát nước mưa riêng biệt với hệ thống thoát nước thải.

- Hướng thoát nước từ Đông sang Tây, từ Bắc xuống Nam theo hệ thống thoát nước hiện trạng trên đường ĐT.495B (*cống D1500 hiện trạng ngang qua đường ĐT.495B*).

- Mạng lưới thoát nước chủ yếu sử dụng hệ thống cống tròn BTCT có đường kính D300, D600, D1000, rãnh xây B400, đặt trên vỉa hè, đường hạ tầng kỹ thuật, sử dụng các ga thu thăm kết hợp để thu nước mặt đường, khoảng cách giữa các hố ga từ 25-35m và sử dụng các hố ga thu trực tiếp.

** Biện pháp giảm thiểu tác động tới môi trường không khí:*

- Tuân thủ nghiêm chỉnh về chiều rộng mặt cắt đường, vỉa hè. Đảm bảo đường thông thoáng, tránh gây ùn tắc giao thông nhằm hạn chế phát sinh các chất gây ô nhiễm.

- Yêu cầu xe lưu hành đúng tải trọng và đi đúng các tuyến đường quy định.

- Nguyên vật liệu tập kết các khu vực xây dựng, cải tạo, sửa chữa nhà dân phải được người dân che phủ để giảm thiểu khả năng phát tán bụi cũng như chất ô nhiễm khác ra môi trường.

4.2. Các công trình và biện pháp quản lý chất thải rắn, chất thải nguy hại

4.2.1. Giai đoạn thi công, xây dựng

- Rác thải sinh hoạt của công nhân xây dựng: Bố trí 02 thùng nhựa đựng rác sinh hoạt có nắp đậy, dung tích 120 lít/thùng tại khu vực lán trại của công nhân. Hợp đồng với đơn vị đủ chức năng thu gom, vận chuyển, xử lý theo quy định với tần suất 01 ngày/lần.

- Chất thải rắn thông thường:

+ Một phần bùn, đất hữu cơ không thích hợp bóc tách từ dự án được tận dụng đắp nền lô cây xanh, phần còn lại được vận chuyển đổ thải tại thôn Mai Động đất UB do UBND xã Trung Lương quản lý, với cự li trung bình khoảng 5km. Diện tích bãi đổ thải khoảng 1.669 m² với trữ lượng tiếp nhận đổ thải khoảng 3.338 m³ (*theo Biên bản thỏa thuận vị trí đổ thải giữa Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Bình Lục với UBND xã Trung Lương ngày 14/11/2023*). Trong quá trình vận chuyển đổ thải phải đảm bảo vệ sinh môi trường, không để vật liệu rơi vãi, tránh sạt lở khu vực đổ thải và phát tán ô nhiễm ra môi trường xung quanh.

+ Đối với chất thải xây dựng khác: Thực hiện tuân thủ theo các quy định về quản lý chất thải rắn xây dựng, hợp đồng với đơn vị đủ chức năng thu gom, vận chuyển, xử lý theo quy định của pháp luật.

- Chất thải nguy hại: Bố trí kho lưu giữ chất thải nguy hại dạng container 10 feet đặt gần khu lán trại của công nhân và bố trí 5 thùng chứa dung tích 50 lít/thùng để lưu giữ chất thải nguy hại. Hợp đồng với đơn vị dịch vụ có đủ chức năng vận chuyển, xử lý theo đúng quy định hiện hành của pháp luật về bảo vệ môi trường.

4.2.2. Trong giai đoạn hoạt động

- Chất thải sinh hoạt: Các hộ gia đình chịu trách nhiệm tự phân loại tại hộ. Sau đó, rác thải sẽ được đơn vị đủ chức năng thu gom, vận chuyển, xử lý theo quy định.

- Chất thải rắn xây dựng: Các hộ gia đình tự chịu trách nhiệm dọn dẹp vệ sinh, thu gom, phân loại và thuê đơn vị đủ chức năng thu gom, vận chuyển đi xử lý theo đúng quy định của pháp luật.

- Chất thải nguy hại: Bố trí khu vực lưu chứa CTNH dạng container đặt tại khu đất cây xanh. Trong kho bố trí 05 thùng nhựa HDPE có nắp đậy, dung tích khoảng 50 lít/thùng. Thùng chứa được dán nhãn, khu vực lưu trữ được dán biển cảnh báo theo quy định. Định kỳ 06 tháng hoặc theo yêu cầu thực tế thuê đơn vị có đủ chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo đúng quy định.

4.3. Công trình, biện pháp giảm thiểu tác động do tiếng ồn, độ rung

4.3.1. Trong giai đoạn thi công, xây dựng

- Sử dụng các thiết bị có mức gây ồn thấp. Các thiết bị thi công gây tiếng ồn lớn như máy khoan, máy đào... không hoạt động trong khoảng thời gian từ 17h đến 7h và từ 11h30 -13h. Thường xuyên bảo dưỡng bộ phận giảm âm ở thiết bị.

- Sử dụng các loại xe, máy móc thi công phù hợp nhằm đảm bảo về quy chuẩn kỹ thuật tiếng ồn, giảm tốc độ của xe cộ khi qua khu vực dân cư.

- Thường xuyên tưới ẩm tuyến đường vận chuyển.

4.3.2. Trong giai đoạn hoạt động

- Tuyên truyền cho các hộ dân sống trong khu vực về việc giữ trật tự tại nơi sinh sống.

- Thường xuyên kiểm tra để phát hiện và xử lý kịp thời các sự cố như: tắc vỡ đường ống thoát nước mưa, thoát nước thải.

5. Chương trình quản lý và giám sát môi trường của chủ dự án đầu tư

5.1. Giám sát môi trường trong giai đoạn xây dựng

* Giám sát chất thải rắn và chất thải nguy hại, bao gồm:

- Các vấn đề cần giám sát:

+ Số lượng phát sinh (kg/tháng), chủng loại, thành phần chất thải phát sinh.

+ Cách thức thu gom, phân định, phân loại và lưu trữ chất thải.

+ Cách thức xử lý chất thải (*thuê đơn vị có chức năng đem đi xử lý*).

- Tần suất giám sát: Thường xuyên.

- Hoạt động giám sát chất thải rắn và chất thải nguy hại đảm bảo theo Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/02/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật bảo vệ môi trường và Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

** Giám sát khác*

- Vị trí giám sát: Khu vực dự án, tuyến đường vận chuyển nguyên vật liệu vào dự án

- Vấn đề cần giám sát: Công tác dọn dẹp mặt bằng thi công hàng ngày, công tác tưới nước giảm thiểu bụi; hoạt động thu gom, xử lý nước thải rửa xe; hoạt động thu gom nước thải sinh hoạt; hoạt động của hệ thống thoát nước mưa.

- Tần suất thực hiện: Thường xuyên.

5.2. Giám sát môi trường trong giai đoạn hoạt động

5.2.1 Giám sát môi trường giai đoạn vận hành thử nghiệm

** Giám sát hoạt động của trạm xử lý nước thải tạm thời:*

- Vị trí quan trắc: Khu vực trạm xử lý nước thải tạm thời (Nước thải đầu vào và nước thải sau xử lý).

- Chỉ tiêu giám sát: pH, BOD₅, TSS, NO₃⁻, NH₄⁺, PO₄³⁻, H₂S, dầu mỡ động thực vật, Coliform, tổng các chất hoạt động bề mặt, tổng chất rắn hòa tan.

- Tần suất: 01 ngày/lần trong 03 ngày liên tiếp (nước thải đầu vào chỉ lấy 01 lần).

- Quy chuẩn so sánh: QCVN 14:2008/BTNMT, cột A, hệ số K = 1,0.

5.2.2. Giám sát môi trường giai đoạn vận hành chính thức

** Giám sát chất thải rắn thông thường và chất thải nguy hại*

- Giám sát khối lượng, chủng loại phát sinh và công tác quản lý, thu gom, phân loại, lưu giữ, vận chuyển chất thải.

- Tần suất giám sát: thường xuyên.

- Quy định giám sát chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại: Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/02/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật bảo vệ môi trường và Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

** Giám sát hệ thống thoát nước mưa, nước thải*

- Các vấn đề giám sát:

+ Các hệ thống công thu gom, hố ga thu gom nước mưa, nước thải, xử lý nước thải.

+ Sự tắc nghẽn, rò rỉ, nứt vỡ của hệ thống đường ống

+ Nạo vét hệ thống thoát nước mưa.

- Tần suất giám sát: Thường xuyên và khi thực hiện bảo trì, nạo vét.

** Giám sát các vấn đề môi trường khác*

- Tình trạng hoạt động của các hạng mục hạ tầng kỹ thuật trong khu vực dự án.

- Tình hình thực hiện các biện pháp giảm thiểu ô nhiễm, bảo vệ môi trường của dự án.

- Các rủi ro về cháy nổ, sét đánh,...

- Tần suất thực hiện: thường xuyên.

6. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác

Chủ dự án có trách nhiệm thực hiện đúng những nội dung đã được nêu trong Báo cáo đánh giá tác động môi trường và những yêu cầu bắt buộc sau:

6.1. Lập kế hoạch và thực hiện phương án tổ chức thi công đảm bảo an toàn lao động, an toàn giao thông, an ninh xã hội theo quy định của pháp luật hiện hành. Có phương án vận chuyển thi công phù hợp với tuyến đường khu vực để không gây ô nhiễm môi trường, hệ thống hạ tầng kỹ thuật khu vực và hoạt động sản xuất nông nghiệp, sinh hoạt của người dân.

6.2. Phối hợp chặt chẽ với chính quyền địa phương trong công tác giải phóng mặt bằng, công tác quản lý, xử lý chất thải rắn của hoạt động xây dựng, bóc tách đất hữu cơ, đất không thích hợp theo đúng quy định hiện hành.

6.3. Thực hiện các thủ tục môi trường theo quy định của pháp luật./.